TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2026
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Đức Nhân và bà Trần Thị Kim Nhung.

- Thư ký phiên tòa: ông Triệu Sinh Thuỷ, là Thư ký viên Tòa án.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Công U, sinh năm 1987; nơi thường trú: tổ A, khu phố B, phường V, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: I, 38518 G, Cộng hòa Liên bang Đ; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Mai L, sinh năm 1992; nơi thường trú: : tổ A, khu phố B, phường V, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: I, 38518 G, Cộng hòa Liên bang Đ; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai (được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ ngày 05/11/2025) nguyên đơn anh Nguyễn Công U trình bày:*

Anh Nguyễn Công U và chị Nguyễn Mai L kết hôn ngày 17/01/2022, tại Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ. Sau khi kết hôn anh U và chị L cùng chung sống tại I 25, 38518 G, Cộng hòa Liên bang Đ. Anh U và chị L chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh U và chị L bất đồng sâu sắc về quan điểm sống, tính cách; chị L không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, anh U và chị L thường xuyên cãi nhau liên quan đến chi tiêu tài chính của gia đình. Do mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến nay. Trong thời gian này, anh U và chị L cũng đã nhiều lần trò chuyện, hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, nên anh U đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh giải quyết cho anh U được ly hôn với chị Nguyễn Mai L.

Về con chung: anh U và chị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ, nên anh U ủy quyền cho chị Trần Mai P, sinh năm 1994; địa chỉ: tổ C, khu E, phường H, tỉnh Quảng Ninh thay mặt anh U nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và anh U đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Tại bản tự khai của chị Nguyễn Mai L (được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ ngày 05/11/2025) bị đơn chị Nguyễn Mai L trình bày:*

Chị Nguyễn Mai L và anh Nguyễn Công U kết hôn ngày 17/01/2022, tại Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ. Sau khi kết hôn anh U và chị L cùng chung sống tại I 25, 38518 G, Cộng hòa Liên bang Đ. Sau thời gian chung sống, chị L và anh U thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về cách chi tiêu, quản lý tài chính, cuộc sống gia đình căng thẳng, lạnh nhạt. Chị L và anh U đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024. Đến nay, chị L không còn tình cảm với anh U, chị L đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Công U.

Về con chung: chị L và anh U không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Do đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ, nên chị L ủy quyền cho chị Đỗ Thị Minh T, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ I, khu phố Y, phường H, tỉnh Quảng Ninh thay mặt chị L nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và chị L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do đương sự nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc), Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính), Căn cước công dân, Bản tự khai và Giấy ủy quyền, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt (bản chứng thực của Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ).

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: không.

* Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: về việc anh Nguyễn Công U và chị Nguyễn Mai L đăng ký kết hôn hợp pháp.

* Nội dung các đương sự trình bày (theo bản tự khai): về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và khoản nợ chung.

* Nội dung các đương sự không thống nhất được: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các nội dung trình bày, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Công U và chị Nguyễn Mai L đăng ký kết hôn tại Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ. Anh U và chị L xác lập quan hệ hôn nhân ở nước ngoài. Nên thỏa mãn điểm b khoản 2 Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[1.2] Về việc hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu về hôn nhân và gia đình: đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Công U, chị Nguyễn Mai L, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giấy ủy quyền đều được Đ1 chứng thực (hợp pháp hóa lãnh sự), đảm bảo quy định tại Điều 124 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã có bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và công bố các các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[1.4] Về sự tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh.

Tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Viện kiểm sát chỉ bắt buộc phải tham gia phiên tòa sơ thẩm trong 4 trường hợp: (i) Tòa án thu thập chứng cứ; (ii) Đối tượng là tài sản công, quyền sử dụng đất, nhà ở; (iii) đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; (iv) các trường hợp vụ việc dân sự chưa có điều luật để áp dụng (theo khoản 2 Điều 4 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Tại Điều 27 Thông tư 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31-8-2016 quy định về việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, theo đó, vụ án dân sự do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ là theo khoản 2 Điều 97 và các Điều 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105 và 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án và đối chiếu quy định nêu trên thì việc Tòa án quyết định xét xử vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: anh Nguyễn Công U và chị Nguyễn Mai L kết hôn ngày 17/01/2022, tại Đ1 tại Cộng hòa Liên bang Đ. Sau khi kết hôn anh U, chị L chung sống tại Im Haengelmoor 25, 38518 G, Cộng hòa Liên bang Đ. Đến tháng 11 năm 2023, anh U, chị L xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Mâu thuẫn kéo dài, không hàn gắn, hòa giải được. Đến nay, anh U đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh giải quyết cho anh U được ly hôn với chị Nguyễn Mai L. Anh U và chị L đã không yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm, giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nên, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Công U đối với chị Nguyễn Mai L.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Nguyễn Công U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 (thẩm quyền chung có yếu tố nước ngoài); khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 464, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công U.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Công U được ly hôn với chị Nguyễn Mai L.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Công U và chị Nguyễn Mai L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: anh Nguyễn Công U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh U đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002756 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

[5] Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Công U, chị Nguyễn Mai L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - QN;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc An